

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2566 /NBI-QLDN2

Ninh Bình, ngày 19 tháng 9 năm 2025

V/v trả lời chính sách thuế

Kính gửi: Công ty TNHH LongYu Việt Nam

Mã số thuế: 0600382819

Địa chỉ: Km 9, Thôn Cao Lộng, xã Nam Hồng, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 12/9/2025, Thuế tỉnh Ninh Bình nhận được Công văn số 02/CV-LY ngày 11/9/2025 của Công ty TNHH LongYu Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) về việc vướng mắc chính sách thuế. Về vấn đề này, Thuế tỉnh Ninh Bình có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 3, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6, khoản 7 và bổ sung khoản 9 vào Điều 4 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 6 và khoản 7 như sau:

“1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và các trường hợp lập hóa đơn theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Hóa đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. Trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.”

...
6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm e, điểm l, điểm m, điểm n khoản 4 Điều 9 và bổ sung điểm p, điểm q, điểm r vào khoản 4 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

“1. Thời điểm lập hóa đơn đối với bán hàng hóa (bao gồm cả bán, chuyển nhượng tài sản công và bán hàng dự trữ quốc gia) là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày

làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.

2. Thời điểm lập hóa đơn đối với cung cấp dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ (bao gồm cả cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân nước ngoài) không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp người cung cấp dịch vụ có thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu tiền (không bao gồm trường hợp thu tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp các dịch vụ: Kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng).”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm e, điểm l, điểm m, điểm n khoản 4 như sau:

“a) Đối với các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác gồm: Trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này), cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, nước, dịch vụ truyền hình, dịch vụ quảng cáo truyền hình, dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ bưu chính và chuyển phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này) được bán theo kỳ nhất định, dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), chuyển tiền quốc tế, dịch vụ chứng khoán, xổ số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.””

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Thông tư số 32/2025/TT-BTC ngày 31/5/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP như sau:

“Điều 6. Áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác

1. Các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ khác với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác được lập hóa đơn theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP) bao gồm: sản phẩm phái sinh theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thương mại được quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng, dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ của sở giao dịch hàng hóa, dịch vụ thông tin tín dụng, dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (đối với khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức).”

Căn cứ Điều 3, Điều 4 Nghị định số 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics.

“Điều 3. Phân loại dịch vụ logistics

Dịch vụ logistics được cung cấp bao gồm:

- 1. Dịch vụ xếp dỡ container, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay.*
- 2. Dịch vụ kho bãi container thuộc dịch vụ hỗ trợ vận tải biển.*
- 3. Dịch vụ kho bãi thuộc dịch vụ hỗ trợ mọi phương thức vận tải.*
- 4. Dịch vụ chuyển phát.*
- 5. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa.*
- 6. Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan (bao gồm cả dịch vụ thông quan).*
- 7. Dịch vụ khác, bao gồm các hoạt động sau: Kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, kiểm định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải.*
- 8. Dịch vụ hỗ trợ bán buôn, hỗ trợ bán lẻ bao gồm cả hoạt động quản lý hàng lưu kho, thu gom, tập hợp, phân loại hàng hóa và giao hàng.*
- 9. Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải biển.*
- 10. Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường thủy nội địa.*
- 11. Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường sắt.*
- 12. Dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường bộ.*
- 13. Dịch vụ vận tải hàng không.*
- 14. Dịch vụ vận tải đa phương thức.*
- 15. Dịch vụ phân tích và kiểm định kỹ thuật.*
- 16. Các dịch vụ hỗ trợ vận tải khác.*
- 17. Các dịch vụ khác do thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics và khách hàng thỏa thuận phù hợp với nguyên tắc cơ bản của Luật thương mại.*

Điều 4. Điều kiện kinh doanh dịch vụ logistics

- 1. Thương nhân kinh doanh các dịch vụ cụ thể thuộc dịch vụ logistics quy định tại Điều 3 Nghị định này phải đáp ứng các điều kiện đầu tư, kinh doanh theo quy định của pháp luật đối với dịch vụ đó.”*

Căn cứ Điều 25, Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

“Điều 25. Hóa đơn, chứng từ nộp thuế

Cơ sở kinh doanh phải có hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng (bao gồm cả chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng theo tỷ lệ % nhân với doanh thu thay cho phía nước ngoài).

Điều 26. Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt

Cơ sở kinh doanh phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

...”

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính quy định các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN như sau:

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt ”.

Căn cứ Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế TNDN năm 2025 quy định:

“Điều 9: Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả khoản chi phí bổ sung được trừ theo tỷ lệ phần trăm tính trên chi phí thực tế phát sinh trong kỳ tính thuế liên quan đến hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp;

...

c) Các khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ.”

Căn cứ các quy định nêu trên và trình bày của doanh nghiệp:

Trường hợp Công ty có mua Văn phòng phẩm, phụ tùng, phụ kiện máy móc thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trường hợp công ty có mua dịch vụ thuê xe theo tháng thì thời điểm lập hóa đơn điện tử được quy định như sau:

- Nếu hoạt động cung cấp dịch vụ thuê xe theo tháng của bên bán đáp ứng quy định về kinh doanh dịch vụ logistic theo Nghị định số 163/2017/NĐ-CP và pháp luật có liên quan, đồng thời việc cung cấp dịch vụ phát sinh thường xuyên với số lượng lớn, cần có thời gian để đối soát số liệu giữa doanh nghiệp với khách hàng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị Định số 70/2025/NĐ-CP và được hướng dẫn bởi khoản 1 Điều 6 Thông tư số 32/2025/TT-BTC.

- Nếu hoạt động cung cấp dịch vụ thuê xe theo tháng của bên bán không đáp ứng quy định của pháp luật về kinh doanh dịch vụ logistic nêu trên thì thời điểm lập hóa đơn điện tử là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

Trường hợp Công ty mua hàng hóa, dịch vụ mà bên bán lập hóa đơn không đúng thời điểm quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP, nếu việc mua hàng hóa, dịch vụ đúng thực tế, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP, đồng thời các hóa đơn GTGT này đã được bên bán kê khai, nộp thuế đầy đủ, số tiền thuế GTGT tại các hóa đơn GTGT nêu trên là thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì Công ty được khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo quy định. Trường hợp đơn vị bán hàng cho Công ty không đáp ứng đủ các điều kiện nêu trên thì Công ty không được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào của các hóa đơn này. Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với số hóa đơn nêu trên nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC và Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế, nghiên cứu những quy định, trích dẫn nêu trên, đối chiếu với các văn bản pháp luật về thuế để thực hiện.

Thuế tỉnh Ninh Bình trả lời để Quý Công ty được biết và thực hiện theo đúng các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Thuế tỉnh;
- PTTT: Đặng Ngọc Nghĩa;
- Các phòng: NVDTTC, Kiểm tra thuế số 2;
- Website Thuế tỉnh Ninh Bình;
- Lưu: VT, QLDN2 (dmthang.ndi).

